

Bản án số: 29/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 17/7/2024

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan; Ông Lê Quang Khỏe.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/QĐST – HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thúy B, sinh năm 1983.

ĐKHKT: T, L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: B, L, B, Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Tăng Văn D, sinh năm 1978.

ĐKHKT và trú tại: T, L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Bà Trần Thị B1; Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thúy b trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh D kết hôn với nhau vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố H). Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ anh D tại T, L, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình,

tính gia trưởng hay áp đặt vợ con, ghen tuông, thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị. Có lần anh D còn đánh chị thâm tím mặt mày, gãy xương...Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh D thay đổi tính nết, chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình nhưng anh D không thay đổi. Vì không chịu được tính cách của anh D nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại huyện B sinh sống từ tháng 5 năm 2023 đến nay. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ anh D có một vài lần đến nhà bố mẹ đẻ chị nhưng toàn chửi bới, xúc phạm chị cũng như gia đình chị. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống, công việc riêng, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để chị ổn định cuộc sống.

- **Về quan hệ con chung:** Quá trình chung sống chị B và anh D có 03 con chung là Tăng Hoàng D1, sinh ngày 06/11/2003, Tăng Mai A, sinh ngày 15/02/2006; Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay cháu D1 và cháu Mai A đã trưởng thành chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin nhận nuôi con là Tăng Tuấn P và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân may thu nhập khoảng 8 - 9 triệu đồng/tháng đủ khả năng nuôi con. Về chỗ ở hiện nay mẹ con chị đang ở nhà mẹ đẻ chị, nhà cửa rộng rãi, thoáng mát đảm bảo sinh hoạt cho chị và con.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Tăng Văn D trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh D xác định về thời gian, điều kiện kết hôn như chị B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh tại T, L, thành phố H một thời gian, sau đó ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và hiểu nhau, áp lực căng thẳng do làm ăn thua lỗ nên dẫn đến cãi nhau. Khoảng tháng 5 năm 2023, có lần vợ chồng cãi nhau anh có đánh chị B dẫn đến chị B phải đi điều trị tại bệnh viện. Sau khi điều trị tại bệnh viện từ khoảng tháng 5 năm 2023 đến nay chị B về nhà bố mẹ đẻ tại huyện B, tỉnh Hải Dương ở không nói gì với anh. Khoảng tháng 9 năm 2023 chị B có làm đơn ra nhờ chính quyền thôn hòa giải việc vợ chồng đánh chửi nhau, trong buổi hòa giải các ban ngành đã khuyên bảo vợ chồng về với nhau để nuôi dạy các con trưởng thành, tuy nhiên sau buổi hòa giải vợ chồng vẫn không về chung sống cùng nhau. Trong quá trình chị B về nhà bố mẹ đẻ ở anh có khoảng 3 - 4 lần đến tìm chị B về chung sống và có nhờ gia đình sang khuyên bảo, nói chuyện với gia đình chị B nhưng chị B, cũng như mẹ đẻ chị B và các em gái chị B không muốn cho chị B quay về chung sống cùng anh và có những lời nói làm anh rất bức xúc. Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh D mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

- **Về quan hệ con chung:** Anh D xác định anh và chị B có 03 con chung là Tăng Hoàng D1, sinh ngày 06/11/2003, Tăng Mai A, sinh ngày 15/02/2006; Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay cháu D1 và cháu Mai A đã trưởng thành anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu chị B kiên quyết xin ly hôn anh xin nhận nuôi con Tăng Tuấn P và tự nguyện không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi

con chung. Hiện nay anh đang làm lao động tự do thu nhập khoảng 8 - 10 triệu đồng/tháng. Về chỗ ở: Anh đang ở nhà của vợ chồng xây, nhà cửa rộng rãi, đảm bảo chỗ ở cho con.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Vợ chồng có tài sản là nhà đất do bố mẹ để anh cho, hiện nay nhà đất đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai vợ chồng. Về nợ: Vợ chồng có vay của Ngân hàng H2 số tiền khoảng 600 triệu đồng, H phụ nữ thôn số tiền 20 triệu đồng và nợ bên ngoài khoảng 60 - 70 triệu đồng. Từ tháng 5 năm 2023 đến nay vợ chồng chưa đóng được tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Anh cũng đã nhận được Thông báo của Tòa án hướng dẫn anh về việc làm thủ tục yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung trong vụ án Hôn nhân gia đình. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chưa có tiền nộp tiền tạm ứng án phí nên anh chưa làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung, nợ chung. Anh mong muốn chị B nộp cho Tòa án đơn ly hôn mà anh và chị B đã ký trong đó có phần anh và chị B đã thỏa thuận với nhau về tài sản chung, nợ chung để chị B phải nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn để giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh.

Người làm chứng bà Trần Thị B1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ chị B và là mẹ vợ anh D. Anh D, chị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố H. Quá trình chung sống do anh D không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ còn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh D còn đánh đập chị B tím mặt mũi, gãy xương sườn phải nghỉ làm 01 tháng để chữa lành vết thương. Từ tháng 5 năm 2023 đến nay chị B đã về chung sống cùng gia đình bà, anh D có sang gia đình bà nói chuyện, bà cũng khuyên bảo anh D về thay đổi tính nết, chịu khó làm ăn thì chị B sẽ về chung sống cùng anh nhưng anh D không thay đổi mà mỗi lần đến nhà bà còn chửi bới xúc phạm gia đình bà. Nay chị B làm đơn xin ly hôn bà B1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn để chị Bình ổn đ cuộc sống.

Xác minh với ông Đồng Đức M (Trưởng thôn Thanh Xá và bà Phạm Thị H1 - chi hội trưởng phụ nữ thôn T) trình bày: Chị B, anh D là công dân có ĐKKTT tại thôn T, xã L. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh D đánh đập chị B nên khoảng tháng 9, 10 năm 2023 chị B có làm đơn đề nghị Ban công tác mặt trận thôn và các đoàn thể lãnh đạo thôn T tổ chức hòa giải. Sau khi được thôn hòa giải vợ chồng chị B, anh D có hứa về chung sống với nhau, còn sau khi về vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thế nào thôn cũng như hội phụ nữ thôn không nắm được vì không thấy thông báo gì với thôn. Nay chị B làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn chị B có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh D; Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 03 con chung Tăng Hoàng D1, sinh ngày 06/11/2003, Tăng Mai A, sinh ngày 15/02/2006; Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay chấy D1 và cháu Mai A đã trưởng thành chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin nhận nuôi con là Tăng Tuấn P và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thúy B ly hôn anh Tăng Văn D; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thúy B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014 kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Lê Thúy B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn anh Tăng Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú tại T, L, thành phố H nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- **Về sự vắng mặt của các đương sự:** Nguyên đơn chị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Tại đơn đề nghị ghi ngày 24/6/2024** do bị đơn anh D gửi cho Tòa án có trình bày hiện tại anh D không có mặt tại địa phương, đề nghị Tòa án tạm dừng việc xét xử 60 ngày, Anh D chỉ trình bày mà không xuất trình cho Tòa án việc anh D đi đâu, làm gì. Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất vào ngày 28/6/2024 do có đơn của anh D nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành xác minh với Công an xã L vào ngày 01/7/2024 xác định anh D hiện vẫn đang sinh sống và có mặt tại thôn T, xã L. Tại phiếu báo của bưu điện về việc Tòa án gửi Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa vào ngày 17/7/2024 cho anh D thì anh D đã nhận giấy tờ và ký nhận. Ngoài việc gửi giấy tờ nêu trên cho anh D qua đường bưu điện Tòa án còn niêm yết tại nhà ở của anh D và tại UBND xã L, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Vì vậy xác định anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự.

Người làm chứng bà B1 vắng mặt tại phiên tòa, đã có quan điểm trình bày với Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thúy B và anh Tăng Văn D kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố H) là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị B và gia đình trình bày là do anh D không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình, tính tình nóng nảy, ghen tuông, thường xuyên chửi bới, xúc phạm, có lần còn đánh đập chị B. Chị B và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau. Anh D cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và hiểu cho nhau, áp lực căng thẳng do làm ăn thua lỗ dẫn đến cãi nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm giữa chị B và anh D bắt đầu từ tháng 5 năm 2023, anh D đánh chị B dẫn đến chị B phải đi điều trị tại bệnh viện, sau đó chị B về nhà mẹ đẻ tại huyện B ở từ đó đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị B, anh D đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, khuyên bảo chị B và anh D về đoàn tụ nhưng chị B vẫn kiên quyết xin ly hôn anh D. Mặc dù anh D không đồng ý ly hôn chị B nhưng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, điều này thể hiện anh D chỉ muốn kéo dài thời gian gây khó khăn cho chị B trong việc giải quyết ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử chị Lê Thúy B ly hôn anh Tăng Văn D là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân chị B, anh D có 03 con chung là Tăng Hoàng D1, sinh ngày 06/11/2003, Tăng Mai A, sinh ngày 15/02/2006; Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay cháu D1 và cháu Mai A đã trưởng thành nên chị B, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án cả chị B và anh D đều có quan điểm xin nhận nuôi con Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014 và tự nguyện không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu Tăng Tuấn P hiện đã trên bảy tuổi và có quan điểm xin ở với mẹ. Xét về tính chất công việc và tính ổn định về thời gian làm việc thì chị B hiện đang làm việc tại Công ty M1 có mức thu nhập ổn định hàng tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ. Đối với anh D thì công việc lao động tự do không ổn định khi có việc thì đi làm, không có việc thì lại phải đi tìm việc khác để làm. Mặt khác, từ khi chị B về nhà mẹ đẻ ở cháu P cũng về ở với chị B. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Tăng Tuấn P cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Quá trình giải quyết vụ án chị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bản thân chị B cũng đã tự trả số tiền nợ chồng vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh H.

Anh D xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất do bố mẹ anh cho và khoản nợ Ngân hàng H2 số tiền khoảng 600 triệu đồng; Hội phụ nữ thôn số tiền 20 triệu đồng và nợ bên ngoài khoảng 60 - 70 triệu đồng. Tòa án đã ra Thông báo về thủ tục yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản, nợ chung trong vụ án Hôn nhân gia đình gửi anh D, yêu cầu anh D trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án nếu anh có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì phải nộp cho Tòa án đơn yêu cầu giải quyết tài sản và các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh D không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án đã có Thông báo số 85/2024/TB – TA ngày 08/5/2024 gửi Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H2) xem có ý kiến gì đối với khoản vay của chị B, anh D. Tại Bản ý kiến số 01/2024/CV – H2 ngày 11/6/2024, H2 xác định chị B, anh D vẫn đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho H2, do đó H2 tiếp tục duy trì khoản vay và không có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản gửi Tòa án.

Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án này vì vậy HĐXX không xem xét, giải quyết. Nếu sau này chị B, anh D không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] **Về án phí:** Chị Lê Thúy B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thúy B ly hôn anh Tăng Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thúy B và anh Tăng Văn D có 03 con chung là Tăng Hoàng D1, sinh ngày 06/11/2003, Tăng Mai A, sinh ngày 15/02/2006; Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay cháu D1 và cháu Mai A đã trưởng thành nên chị B, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cho chị Lê Thúy B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Tăng Tuấn P, sinh ngày 12/9/2014 kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thúy B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp theo biên lai thu số 0002915 ngày 20/2/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND xã Liên Hồng, TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

